

UBND HUYỆN VĂN GIANG  
TRƯỜNG THCS VĨNH KHÚC

CÔNG BỐ CÔNG KHAI  
Thời điểm: Tháng 9 năm 2024

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Vĩnh Khúc

**2. Địa chỉ:** Thôn Vĩnh An- Vĩnh Khúc -Văn Giang-Hung Yên

**Điện thoại:** 0987255968

**Email:** truongthcsvinhkhuc@gmail.com

**Cổng thông tin điện tử:** c2vinhkhucvg.hungyen.edu.vn

**3. Loại hình:** Công lập

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

**4.1. Sứ mệnh**

Tạo dựng được môi trường xanh, an toàn, thân thiện có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện.

**4.2. Tầm nhìn**

Một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng là nơi học sinh được phát triển toàn diện.

**4.3. Mục tiêu:**

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nề nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.



Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tiến tới phát triển mức độ 2, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

Sau khi học xong cấp trung học cơ sở học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Năm 1990, trường THCS Vĩnh Khúc được tách ra từ trường PTCS Vĩnh Khúc. Đến tháng 8/2004 trường THCS Vĩnh Khúc được chuyển về địa điểm hiện nay: với hai dãy nhà hai tầng và một nhà 4 gian cấp bốn, với 18 phòng học và 4 phòng dành cho một khu hiệu bộ. Khi đó, sân trường là một sân đất trũng, chưa có hệ thống cây xanh phát triển nên nhà trường gặp rất nhiều khó khăn. Sau 17 năm, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng-chính quyền địa phương, hội cha mẹ học sinh, các nhà hảo tâm trên địa bàn của xã, các tổ chức trong xã và sự đầu tư của UBND tỉnh Hưng Yên – UBND huyện Văn Giang, cùng với sự quyết tâm của thầy và trò trường THCS Vĩnh Khúc đã tạo nên diện mạo mới cho nhà trường.

Trường được đặt tại khu trung tâm của xã, với diện tích 8.672,1 m<sup>2</sup>, có tường bao quanh và hai cổng vào (1 cổng chính và 1 cổng phụ) để thuận lợi cho việc đi lại của thầy và trò. Toàn trường có ba dãy nhà cao tầng với 19 phòng học, 5 phòng học chức năng và 6 phòng dùng làm: thư viện, thiết bị, văn phòng, phòng làm việc của BGH và các ban ngành – đoàn thể. Tất cả các phòng học có đầy đủ bàn ghế, điện, quạt, máy chiếu,... Các phòng chức năng có đủ bàn ghế, điện, quạt và đồ dùng, trang thiết bị để thầy trò học tập, thực hành.

Trường có 3000 m<sup>2</sup> sân được đổ bê tông để học sinh vui chơi và hoạt động tập thể. Có các khu dành cho thầy trò chơi bóng chuyền, cầu lông, đá cầu, và một khu đất để học sinh tập các môn: nhảy cao, nhảy xa. Sân trường có hệ thống cây xanh, vườn hoa cây cảnh và ghế đá để học sinh vui chơi nghỉ ngơi sau những giờ học căng thẳng.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:**

Họ và tên: Đoàn Thị Thanh Hoàn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Vĩnh An- Vĩnh Khúc -Văn Giang-Hung Yên

Số điện thoại: 0987255968; Địa chỉ thư điện tử: hoanthcsvk@gmail.com

**7. Tổ chức bộ máy:**

**7.1. Quyết định thành lập:**

Nhà trường được thành lập năm 1963 với tên gọi là trường PTCS Vĩnh Khúc. Đến năm 1990 được tách ra thành trường THCS Vĩnh Khúc

**7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:**

Hội đồng trường được thành lập Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Văn Giang về việc công nhận Hội đồng trường Trường THCS Vĩnh Khúc, nhiệm kỳ 2021-2026

Các thành viên trong HĐ trường đảm bảo theo Điều lệ Trường THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Ngày 05/10/2024 do có thay đổi về nhân sự (Đại diện Hội phụ huynh và đại diện học sinh) nên nhà trường đã làm tờ trình kiện toàn Hội đồng trường đề nghị UBND huyện Văn Giang công nhận Hội đồng trường trong đó bổ sung bà Lưu Thị Minh – đại diện Hội cha mẹ học sinh và em Trần Bảo Anh – đại diện học sinh nhà trường, bổ sung Đ/c Phó Hiệu trưởng, đ/c tổ phó Tổ KHXH, các thành viên còn lại giữ nguyên.

TR  
ING  
INF

**7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo Điều lệ trường THCS gồm 01 HT và 01 PHT:

Đồng chí Đoàn Thị Thanh Hoàn được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Vĩnh Khúc theo quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 15/5/2000.

Đồng chí Trần Thị Hải được bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Vĩnh Khúc theo quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 03/11/2020.

**7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:**

**7.4.1. Cơ cấu tổ chức nhà trường**

Cơ cấu tổ chức của trường thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng;
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Công đoàn nhà trường;
- Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- Các tổ chuyên môn (02 tổ: Tổ KHTN, Tổ KHXH);
- Các lớp học (năm học 2024 – 2025 trường có 22 lớp)

**7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:**

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban

hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:** Quy chế dân chủ, quy chế làm việc.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:**

### **1.1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng viên chức</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Hiệu trưởng.	01	
2	Phó hiệu trưởng.	01	
3	Tổ trưởng chuyên môn	01	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Ghi chú
4	Tổ phó chuyên môn	01	

**1.2. Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành:**

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Ngạch công chức tương ứng
1	Giáo viên THCS hạng I	0	
2	Giáo viên THCS hạng II	12	
3	Giáo viên THCS Hạng III	23	
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	
6	Tư vấn học sinh	Kiểm nhiệm	

**1.3. Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung:**

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Ngạch công chức tương ứng
1	Văn thư viên.	01	
2	Kế toán viên.	01 (kiêm nhiệm)	
3	Nhân viên thủ quỹ	01 (kiêm nhiệm)	

**1.4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ:**

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng	Ghi chú
1	Bảo vệ	02	
2	Tạp vụ	0	

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:  
Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng, PHT năm học 2023-2024:**

Tổng số CBQL	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%

**Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2023-2024:**

Tổng số giáo viên	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
37	0	0%	0	0%	12	32%	25	68%

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:**

- 39/39 CB, GV hoàn thành bồi dưỡng theo quy định đạt 100%

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:**

TT	Địa chỉ	Diện tích điểm trường	Diện tích sân chơi
Cộng tổng diện tích toàn trường		8.672.1 m <sup>2</sup>	3000 m <sup>2</sup>
Diện tích toàn trường tính bình quân/01hs: 8.95m <sup>2</sup> /hs (Chưa chuẩn theo quy định)			

**2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật**

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng Hội đồng	1	50 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
2	Phòng Hiệu trưởng	1	25 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
3	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	25 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu

4	Phòng bảo vệ	2	25 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
5	Phòng Văn thư	1	15 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
6	Phòng Công đoàn	1	10 m <sup>2</sup>	Chưa đạt yêu cầu
7	Phòng Tổ chuyên môn	0	0 m <sup>2</sup>	Chưa đạt yêu cầu
8	Phòng học kiên cố	22	990 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
9	Phòng vệ sinh	02	30 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
10	Phòng Thư viện	1	40 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
11	Phòng Thiết bị	1	30 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
12	Phòng Chức năng:			
	Phòng Tin học	1	40 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
	Phòng Âm nhạc	1	40 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
15	Sân chơi	1	3000 m <sup>2</sup>	Đạt yêu cầu
16	Nhà đa năng	0	0	Chưa đạt yêu cầu

**3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:**

T	Tên danh mục đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi hiện có	Số lượng (bộ)	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Bộ đồ dùng thiết bị khối 6	1	Đủ
2	Bộ đồ dùng thiết bị khối 7	1	Đủ
3	Bộ đồ dùng thiết bị khối 8	1	Đủ
4	Bộ đồ dùng thiết bị khối 9	1	Đủ

**4. Số thiết bị dạy học hiện có:**

TT	Danh mục thiết bị hiện có	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Máy vi tính	28	Thiếu
2	Máy chiếu	23	Đủ
3	Ti vi	2	Đủ
5	Loa	23	Đủ



## 5. Danh mục SGK sử dụng trong CSGD đã được phê duyệt:

### Khối 6:

TT	Tên sách	Thuộc bộ sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đức Sơn, Nguyễn Duy Quyết	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử) Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lý)	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục công dân 6	Cánh Diều	Trần Văn Thắng	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 6	Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiên	NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung Nguyễn Xuân Tiên	NXB Giáo dục Việt Nam
11	HD trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa Vũ Quang Tuyên	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

**Khối 7:**

<b>T</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Ngữ văn 7, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hùng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền,	Giáo dục Việt Nam

		Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	
6	Giáo dục công dân 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Lloàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế
7	Âm nhạc 7 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
8	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam

**Khối 8:**

TT	Tên sách	Bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 8	Kết nối tri thức với cuộc	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

		sống		Nam
2	Ngữ Văn 8	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
5	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lý 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 8	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiên	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)

10	Mĩ Thuật 8	Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**Khối 9:**

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản (NXB)
1	Ngữ văn 9, Tập 1 (Bộ Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	NXB GDVN
	Ngữ văn 9, Tập 2 (Bộ Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	NXB GDVN
2	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên)	NXB GDVN
3	Lịch sử và Địa lí 9 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử); Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí)	NXB GDVN
4	Giáo dục công dân 9 (Bộ Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên)	NXB ĐHSP TPHCM
5	Âm nhạc 9 (Bộ Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	NXB ĐHSP TPHCM

6	Mĩ thuật 9 (Bộ Chân trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên)	NXB GDVN
7	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Bộ Chân trời sáng tạo bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên).	NXB GDVN

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

- Kết quả tự đánh giá chất lượng năm học 2021-2022: Đạt KĐCL cấp độ 2.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	

Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X

Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

- Kế hoạch cải tiến chất lượng: hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo tình hình thực tế, lưu trữ tại hồ sơ kiểm định.

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm:**

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

+ Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 2207/QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2021 của sở GD&ĐT Hưng Yên.

+ Trường THCS Vĩnh Khúc đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3108/QĐ-CTUBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng: Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo tình hình thực tế, lưu trữ tại hồ sơ kiểm định.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học 2023-2024:

**1.1. Kết quả tuyển sinh, tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.**



- Kết quả tuyển sinh, tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh theo độ tuổi, lưu ban, lên lớp:

III.	Học sinh	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số				Công lập				Tự thực			
				Tổng số		Dân tộc thiểu số		Tổng số		Dân tộc thiểu số		Tổng số		Dân tộc thiểu số	
				Tổng số	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng	Nữ
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
3.1.	Tổng quy mô	người	64	937	442	1	1	937	442	1	1				
3.2.	Quy mô chia theo vùng:			937	442	1	1	937	442	1	1				
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	65	937	442	1	1	937	442	1	1				
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	người	66												
3.3.	Quy mô chia ra theo lớp			937	442	1	1	937	442	1	1				
	- Học sinh lớp 6	người	67	299	140			299	140						
	- Học sinh lớp 7	người	68	241	105	1	1	241	105	1	1				
	- Học sinh lớp 8	người	69	197	92			197	92						
	- Học sinh lớp 9	người	70	200	105			200	105						
3.4.	Quy mô chia ra theo độ tuổi			937	442	1	1	937	442	1	1				
	- Dưới 11 tuổi	người	71	1	1			1	1						
	- 11 tuổi	người	72	282	132			282	132						
	- 12 tuổi	người	73	242	107	1	1	242	107	1	1				
	- 13 tuổi	người	74	198	93			198	93						
	- 14 tuổi	người	75	204	107			204	107						
	- Trên 14 tuổi	người	76	10	2			10	2						
	Trong đó học sinh đi học đúng tuổi			895	428	1	1	895	428	1	1				
	- Học sinh 11 tuổi học lớp 6	người	77	282	132			282	132						
	- Học sinh 12 tuổi học lớp 7	người	78	232	103	1	1	232	103	1	1				
	- Học sinh 13 tuổi học lớp 8	người	79	188	90			188	90						
	- Học sinh 14 tuổi học lớp 9	người	80	193	103			193	103						
3.5.	Trong tổng quy mô có:			937	442	1	1	937	442	1	1				
	- Học sinh mới tuyển đầu cấp	người	81	295	140			295	140						
	- Học sinh lưu ban năm học trước đang học trong năm học này	người	82	8	1			8	1						
	+ Lưu ban lớp 6	người	83	4				4							
	+ Lưu ban lớp 7	người	84	4	1			4	1						
	+ Lưu ban lớp 8	người	85												
	+ Lưu ban lớp 9	người	86												
	- Học sinh học 2 buổi/ngày	người	87												
	- Học sinh dân tộc bản trú	người	88												
	- Học sinh dân tộc nội trú	người	89												
	- Học sinh khuyết tật học hòa nhập	người	90												
	Trong đó:														
	+ Khuyết tật về nhìn	người	91												
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người	92												
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người	93												
	+ Khuyết tật về vận động	người	94												
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	95												
	- Học sinh khuyết tật học chuyên biệt	người	96												
	Trong đó:														
	+ Khuyết tật về nhìn	người	97												
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người	98												
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người	99												
	+ Khuyết tật về vận động	người	100												
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	101												
	- Học sinh học tin học	người	102	937	442	1	1	937	442	1	1				
3.6.	Học sinh thuộc đối tượng chính sách	người	103	8	5			8	5						
3.6.1.	Học sinh được miễn học phí	người	104												
3.6.2.	Học sinh được giảm học phí	người	105												
3.6.3.	Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	người	106	5	2			5	2						
3.6.4.	Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người	107												
3.6.5.	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo	người	108												
...	...														

**- Thông tin về học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường**

**DANH SÁCH HỌC SINH BIẾN ĐỘNG**

NĂM HỌC: 2023-2024

STT	Tên lớp	Mã định danh Bộ GD&ĐT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh
1	6A2	3320415960	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2
2	6A2	3336441585	Lê Yến Nhi	Nữ	Kinh	Chuyển đến kỳ 1
3	6A4	3354125156	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2
4	6A4	3353729361	Đình Thị Trang	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2
5	6A5	3311268305	Lê Phúc Lộc	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
6	6A6	4221269075	Nguyễn Thái Việt	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 1
7	7A1	3371696993	Nguyễn Việt Tiến	Nam	Kinh	Chuyển đến trong hè
8	7A2	3311914448	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
9	7A2	3371141686	Vũ Minh Hiếu	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2
10	7A3	792067053698	Trần Nguyên Vũ	Nam	Kinh	Chuyển đến trong hè
11	7A5	3371359229	Khương Quang Hải	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
12	8A1	3362972727	Đào Thị Thủy Tiên	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
13	8A2	3311232969	Đình Thế Quyền	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
14	8A2	3344226926	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
15	8A2	3364615394	Chu Ngọc Vy	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
16	8A3	0131920049	Trần Hữu Khải	Nam	Kinh	Chuyển đến trong hè
17	8A3	3364634337	Đào Khánh Ly	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1
18	8A4	3364640042	Mai Đức Dũng	Nam	Kinh	Chuyển đi trong hè
19	8A5	3311201929	Vũ Hương Giang	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
20	8A5	3364840798	Chu Đông Hải	Nam	Kinh	Chuyển đi trong hè
21	8A5	3857203571	Đặng Bảo Nhi	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè
22	8A5	3364840816	Chú Xuân Phúc	Nam	Kinh	Chuyển đi trong hè
23	9A1	3353534602	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2
24	9A3	3354906105	Lê Phạm Đức Anh	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2
25	9A3	3348651892	Phạm Quốc Anh	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2
26	9A3	3354906136	Trần Trọng Hùng	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1
27	9A3	3311326558	Đặng Diệu Linh	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 1
28	9A3	3322632277	Nguyễn Phương Uyên	Nữ	Kinh	Thôi học trong hè

**1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:**

- Đối với khối 6-7-8: thực hiện theo chương trình GDPT 2018.

STT	Tên lớp	Số học sinh	Thống tư 22																											
			Số học sinh				Kết quả học tập					Kết quả rèn luyện					Đánh giá													
			SL	TL (%)	Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học	Tổng số HS ĐG	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	HSXS	HSG											
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	730	709	97,12	21	13	4	3	730	53	7,26	294	40,27	336	46,03	47	6,44	476	65,21	209	28,63	42	5,75	3	0,41			53	7,26	
2	TỔNG KHỐI 6	294	288	97,96	6	2	1	1	294	27	9,18	127	43,2	137	46,6	3	1,02	191	64,97	79	26,87	23	7,82	1	0,34			27	9,18	
3	6A1	44	44	100					44	14	31,82	25	56,82	5	11,36		0,00	44	100						0,00			14	31,82	
4	6A2	43	43	100		1	1		43	5	11,63	23	53,49	15	34,88		0,00	40	93,02	3	6,98				0,00			5	11,63	
5	6A3	43	43	100					43	1	2,33	16	37,21	26	60,47		0,00	22	51,16	14	32,56	7	16,28					1	2,33	
6	6A4	40	38	95	2	1			40	2	5	17	42,5	19	47,5	2	5,00	18	45	18	45	4	10,00					2	5	
7	6A5	41	39	95,12	2				41	1	2,44	13	31,71	26	63,41	1	2,44	14	34,15	18	43,9	8	19,51	1	2,44			1	2,44	
8	6A6	41	41	100				1	41	1	2,44	17	41,46	23	56,1		0,00	34	82,93	7	17,07				0,00			1	2,44	
9	6A7	42	40	95,24	2				42	3	7,14	16	38,1	23	54,76		0,00	19	45,24	19	45,24	4	9,52					3	7,14	
10	TỔNG KHỐI 7	240	231	96,25	9	2	2	1	240	16	6,67	81	33,75	135	56,25	8	3,33	165	68,75	64	26,67	11	4,58					16	6,67	
11	7A1	48	48	100			1		48	11	22,92	27	56,25	10	20,83		0,00	35	72,92	13	27,08				0,00				11	22,92
12	7A2	46	46	100		2			46	5	10,87	27	58,7	14	30,43		0,00	36	78,26	10	21,74				0,00				5	10,87
13	7A3	48	44	91,67	4		1		48			13	27,08	31	64,58	4	8,33	35	72,92	9	18,75	4	8,33							
14	7A4	49	48	97,96	1				49			2	4,082	46	93,88	1	2,04	47	95,92	2	4,08				0,00					
15	7A5	49	45	91,84	4			1	49			12	24,49	34	69,39	3	6,12	12	24,49	30	61,22	7	14,29							
16	TỔNG KHỐI 8	196	190	96,94	6	9	1	1	196	10	5,102	90	45,92	90	45,92	6	3,06	120	61,22	66	33,67	10	5,10					10	5,1	
17	8A1	43	43	100		1			43	7	16,3	29	67,44	7	16,28		0,00	28	65,12	10	23,26	5	11,63			0,00	43		7	16,28
18	8A2	39	37	94,87	2	2		1	39	1	2,6	16	41,03	20	51,28	2	5,13	19	48,72	17	43,59	3	7,69			0,00	39		1	2,56
19	8A3	39	38	97,44	1	1	1		39		0,0	16	41,03	22	56,41	1	2,56	29	74,36	9	23,08	1	2,56			0,00	39			
20	8A4	37	35	94,59	2	1			37		0,0	14	37,84	21	56,76	2	5,41	27	72,97	10	27,03				0,00	37				
21	8A5	38	37	97,37	1	4			38	2	5,3	15	39,47	20	52,63	1	2,63	17	44,74	20	52,63	1	2,63			0,00	38		2	5,26

- Đối với khối 9: thực hiện theo chương trình VNEN:

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP VNEN**  
CẢ NĂM - NĂM HỌC: 2023-2024

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Kết quả học tập			Chất lượng			Năng lực		
				Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	TỔNG SỐ	5	196	33	161	2	169	27		81	115	
2	Khối 9	5	196	33	161	2	169	27		81	115	

**1.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp:**

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 903/926 đạt 97.5%.

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 194/196 đạt 99%.

- Số lượng học sinh đăng kí thi THPT và đỗ vào các trường công lập:

Tổng số học sinh đăng kí thi THPT: 180 học sinh.

Số học sinh đỗ vào trường THPT công lập: 114 học sinh.

Số học sinh học các trường dân lập và học nghề: 66 học sinh.

**2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: không có.**

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước cấp từ 01/01/2024 - 30/6/2024

T T	Nội dung	Tổng kinh phí được nhà nước cấp	Tổng kinh phí phải tiết kiệm	Tổng kinh phí được sử dụng chi	Tổng kinh phí đã sử dụng chi	Ghi chú
I	Tổng ngân sách được cấp	7.950.906.000		7.950.906.000	3.224.864.449	
II	Nội dung ngân sách cấp					
1	Chi hoạt động thường xuyên	7.950.906.000		7.950.906.000	3.224.864.449	
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên				2.426.217.259	
	- Phúc lợi tập thể				58.900.000	
	- Các khoản đóng góp				388.032.831	
	- Thanh toán dịch vụ công cộng				1.498.999	
	- Vật tư văn phòng				85.580.000	
	- Chi phí thuê mướn				75.330.000	
	- Sửa chữa, duy tu tài sản				75.651.361	

	phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng					
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				31.665.500	
	- Chi khác				89.800.000	
	- Chi thiết bị công nghệ thông tin				2.188.499	
2	<b>Chi hoạt động không thường xuyên</b>	1.500.000.000		1.500.000.000		
	- Chi cấp bù học phí	2.938.000		2.938.000		
	- Chi bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					
	- Chi tham quan học tập					
	- Chi cải tạo, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất của nhà trường					
	- Chi mua sắm tăng cường trang thiết bị cho nhà trường					
	- Chi khác					
	....					
3	<b>Thực hiện dự án xây dựng, mua sắm thiết bị,</b>					

Số 11/2018

	<b>đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em</b>					
	- Dự án xây dựng CSVC					
	- Dự án mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trẻ em					

**1.2 Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, được tặng, được ủng hộ năm học 2023-2024**

<b>T T</b>	<b>Danh mục quyết toán</b>	<b>Tổng kinh phí thu được</b>	<b>Tổng kinh phí phải nộp đi</b>	<b>Tổng kinh phí được để lại chi</b>	<b>Tổng kinh phí đã chi</b>	<b>Kinh phí còn lại chuyển năm học sau</b>
1	Tiền học phí	362.978.000	362.978.000	10.889.340	10.889.340	Số tiền còn nằm trong TK kho bạc
2	Tiền điện	58.842.000	0	46.929.630	46.929.630	11.912.370
3	Tiền nước uống	50.436.000	0	48.997.080	48.997.080	1.438.920
4	Tiền trông xe	47.574.000	0	42.827.220	42.827.220	4.746.780

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Tóm tắt các kết quả nổi bật so với cùng kỳ năm học trước**

**\* Giáo viên:**

- Đ/c Nguyễn Thế Đăng nhận giấy khen trong công tác hướng dẫn học sinh tham dự thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh.

- Đ/c Đỗ Đức Hưng nhận giấy khen của UBND huyện vì những đóng góp trong phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong quần chúng nhân dân năm 2023.

- Các đ/c: Đoàn Thị Thanh Hoàn, Nguyễn Hồng Anh, Lê Thị Vân: được công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện.

**\* Học sinh:**

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các học sinh tìm hiểu và tham dự đầy đủ các cuộc thi do các cấp tổ chức.

- Động viên HS lớp 9 tham gia kì thi HSG khối 9, giải Điền kinh học sinh THCS theo sự hướng dẫn của PGD&ĐT. Kết quả thi HSG của HS như sau:

**\* Cấp huyện:**

1. Vũ Nguyễn Tấn Dũng – Nhì Tiếng anh.
2. Chu Phương Thảo – Khuyến khích Tiếng anh.
3. Hoàng Nguyễn Bích Ngọc – Nhì Tiếng anh.
4. Nguyễn Thanh Hương – Khuyến khích Ngữ văn.
5. Nguyễn Thanh Thảo – Giải ba Văn.
6. Nguyễn Anh Thư – Giải ba Địa.
7. Nguyễn Gia Linh – Khuyến khích Toán
8. Đào Gia Hiếu – Khuyến khích Lý
9. Bùi Đức Khánh 9<sup>a2</sup> nhất chạy 800m
10. Đặng Thùy Dung 9<sup>a3</sup> nhì chạy 100m
11. Chu Mai Lan Anh 7<sup>a5</sup> nhì chạy 200
12. Cao Ngọc Bích 9<sup>a1</sup> Ba chạy 400m
13. Đỗ Lê Nguyễn 8<sup>a1</sup> nhất huyện cầu lông nữ
14. Nguyễn Long Khánh 8<sup>a5</sup> nhì cầu lông đơn nam

**\* Cấp tỉnh:**

1. Nguyễn Thanh Thảo – Giải ba Văn.
2. Vũ Nguyễn Tấn Dũng – Khuyến khích Tiếng Anh.
3. Nguyễn Hoàng Bích Ngọc – Khuyến khích Tiếng anh.
4. Đỗ Lê Nguyễn 8<sup>a1</sup> – nhì cầu lông đôi nữ.

**\* Thi giao lưu HSG lớp 8:**

1. Nguyễn Hà Chi – giải Ba Văn.
2. Đoàn Ngọc Ánh – giải ba Văn.
3. Nguyễn Phương Mai – khuyến khích Văn.

**\* Các giải khác:**

1. Thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật: giải ba tỉnh

2. Tài năng xứ nhân: Nhì cấp huyện

**\* Hội thảo sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, hướng nghiên cứu bài học**

Cử giáo viên thực hiện tham gia sinh hoạt chuyên môn đảm bảo số lượng, chất lượng nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho GV, đáp ứng yêu cầu của ngành. Cấp trường tổ chức 8 chuyên đề đã tập trung tháo gỡ khó khăn cho GV khi thực hiện chương trình GDPT 2018; Ứng dụng CNTT vào dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến.....

Nhà trường tham dự SHCM cấp cụm môn Tin (đợt 1), môn Địa lý (đợt 2).

Thực hiện tốt việc tổ chức hội giảng, hội học

- Nhà trường tiếp tục duy trì, đẩy mạnh phong trào thi đua “*dạy tốt, học tốt*” dưới hình thức tổ chức “*hội học-hội giảng*”. Đầu tư nghiên cứu về hình thức tổ chức để hội giảng đạt hiệu quả. Hội giảng tập trung vào các bài khó dạy về kiến thức và phương pháp, kết hợp hội giảng với việc thực hiện các chuyên đề, để từ đó đúc kết thành bài học, thành mô hình cho mỗi thể loại bài. Đồng thời, qua đó chọn GV tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi. Sau mỗi đợt hội giảng có sơ kết đánh giá báo cáo về PGD&ĐT. Chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên trẻ phấn đấu trở thành giáo viên giỏi các cấp.

- Tổ chức 2 đợt hội học, hội giảng nhân các ngày kỷ niệm: 20/10; 20/11; 3/2; 26/3 Kết quả: 32 tiết hội giảng, trong đó 30 tiết đạt giỏi. Các tiết dạy tiêu biểu của các đồng chí giáo viên: đ/c Tuấn, Hồng, Lương, Hồng Anh, Mến, Đăng, Huyền, Hoa, Phượng, Mẫn, Khánh .....

- Về danh hiệu thi đua cuối năm học, nhà trường đề nghị Hội đồng TĐKT huyện xét tặng danh hiệu:

**Đề nghị xét, công nhận danh hiệu thi đua:**

Đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho: 02 cá nhân.

Đề nghị xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho: 29 cá nhân.

**Đề nghị khen thưởng:**



Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho 01 cá nhân.

## **2. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:**

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, năm học vừa qua không có cán bộ giáo viên vi phạm pháp luật.

- Cán bộ giáo viên đều liên hệ và làm tốt mối liên hệ với khu dân cư nơi mình sinh sống, thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền để mọi người dân thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Nhà trường thực hiện tốt việc chăm lo đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đảm bảo cho cán bộ giáo viên nhân viên được sống và làm việc trong môi trường lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc. Cán bộ giáo viên tâm huyết với nghề, yên tâm công tác.

## **3. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể**

\* *Về tổ chức Đảng:* Chi bộ trường THCS có 21 Đảng viên. Chi Bộ nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh. Cuối năm 2023, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

\* *Về tổ chức Công đoàn:*

Công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức cho nhà giáo và người lao động trong ngành nghiên cứu Điều lệ trường Mầm non, các văn bản về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, quy định đạo đức nhà giáo, tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. 100% CBGV thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Không có CBGV và nhân viên vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội.

- Việc thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị được thực hiện.

- 100% CBGV và học sinh thực hiện tốt an ninh trật tự, an toàn giao thông. Trong năm qua không có trường hợp nào vi phạm.

- 100% CBGV thực hiện tốt việc phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

- Đoàn kết nội bộ tốt. Không có trường hợp nào gây mất đoàn kết, khiếu

nại khiếu kiện xảy ra.

*\* Về Chi đoàn thanh niên:*

Chi đoàn thanh niên có 12 đoàn viên, Chi đoàn nhà trường luôn nêu cao vai trò trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết, hăng say với nghề, các đồng chí là thành viên tích cực đi đầu trong mọi hoạt động của nhà trường, đạt chất lượng tốt nhất là phong trào tự học nâng cao trình độ, phong trào văn hóa văn nghệ, phong trào trồng cây đầu xuân và chăm sóc cây được nhà trường giao cho... Là Chi đoàn tiêu biểu của Đoàn xã Vĩnh Khúc luôn tích cực trong phong trào đoàn thanh thiếu niên.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đoàn Thị Thanh Hoàn**